

## PHỤ LỤC I

### Danh mục ngành phù hợp, ngành gần (Dự tuyển trình độ Thạc sĩ)

| Ngành                      | Ngành đại học phù hợp không học Bổ sung kiến thức                                                                                                                                                  | Ngành đại học phù hợp học bổ sung kiến thức                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Học phần bổ sung kiến thức (3 tín chỉ/môn)                                                                                                                                                                          |
|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Quản trị kinh doanh</b> | Quản trị kinh doanh                                                                                                                                                                                | -Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Tài chính-ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, nhóm ngành Quản trị-Quản lý, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống.                                                       | Nguyên lý kế toán, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị học, Marketing, Nguyên lý Quản trị kinh doanh, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị chiến lược.             |
| <b>Tài chính-Ngân hàng</b> | Tài chính-Ngân hàng                                                                                                                                                                                | Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh dệt may và thời trang, Tài chính-ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, nhóm ngành Quản trị-Quản lý, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống. | Nguyên lý kế toán, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, Phân tích báo cáo tài chính, Marketing, Tài chính doanh nghiệp, Đầu tư tài chính, Tín dụng ngân hàng. |
| <b>Khoa học máy tính</b>   | Khoa học máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Toán tin. | Sư phạm tin học; Thương mại điện tử; Truyền thông đa phương tiện; Quản lý thông tin.                                                                                                                                                                                                                                          | Kỹ thuật lập trình, Mạng máy tính, Cơ sở dữ liệu, Lập trình hướng đối tượng, Cấu trúc dữ liệu và thuật giải, Toán cho máy tính (Toán rời rạc, lý thuyết đồ thị hay cấu trúc rời rạc)                                |
| <b>Việt Nam học</b>        | Việt Nam học, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông Phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học                                                                            | Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Địa lý, Quan hệ Quốc tế, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt                                                                                                                                                                    | Tiến trình lịch sử Việt Nam, Địa lý Việt Nam, Đặc điểm tiếng Việt                                                                                                                                                   |

|                                  |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                  |
|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
|                                  |                                                                                                                                     | Nam , Lịch sử , Ngôn ngữ học , Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa , Triết học Chủ nghĩa Xã hội khoa học, Tôn giáo học, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung , Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc. |                                                                  |
| <b>Ngôn ngữ Anh</b>              | Ngôn ngữ Anh                                                                                                                        | Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả rập, Sư phạm Tiếng Anh, Ngôn ngữ học                                                                       | Âm vị học và Hình thái học, Cú pháp học, Ngữ nghĩa học           |
| <b>Luật</b>                      | Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tổ tụng dân sự; Luật hình sự và tổ tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                  |
| <b>Kỹ thuật xét nghiệm y học</b> | Kỹ thuật xét nghiệm y học                                                                                                           | -Khối ngành sức khỏe (772)<br>-Công nghệ sinh học<br>-Sinh học                                                                                                                                                                                                                      | Hoặc có chứng chỉ hành nghề Chuyên khoa/Kỹ thuật viên xét nghiệm |
| <b>Điều Dưỡng</b>                | Điều dưỡng Hộ sinh                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                  |
| <b>Dược lý và dược lâm sàng</b>  | Dược học                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                  |
| <b>Tổ chức quản lý dược</b>      | Dược học                                                                                                                            | Cử nhân Hóa dược; Cử nhân Hóa học; Cử nhân Công nghệ sinh học; Cử nhân Y tế công                                                                                                                                                                                                    |                                                                  |

|                                                                                                                                                                                                                       |                                                                  |                                                                  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--|
|                                                                                                                                                                                                                       |                                                                  | cộng; Cử nhân Tổ chức và quản lý y tế; Cử nhân Quản lý bệnh viện |  |
| <b>Công nghệ dược phẩm và Bào chế thuốc</b>                                                                                                                                                                           | Dược học                                                         | Cử nhân Hóa dược; Cử nhân Hóa học; Cử nhân Sinh học              |  |
| <b>Kỹ thuật phục hồi chức năng</b>                                                                                                                                                                                    | Kỹ thuật phục hồi chức năng; Vật lý trị liệu; Phục hồi chức năng | Y khoa; Y học cổ truyền; Răng Hàm Mặt; Y học dự phòng;           |  |
| <b>Răng-Hàm-Mặt</b>                                                                                                                                                                                                   | Răng-Hàm-Mặt                                                     |                                                                  |  |
| - Danh sách các học phần bổ sung kiến thức cụ thể đối với thí sinh dự tuyển trình độ thạc sĩ sẽ được xem xét và thông báo đến từng thí sinh căn cứ vào ngành học và danh sách các học phần đã tích lũy ở bậc đại học. |                                                                  |                                                                  |  |

## PHỤ LỤC II

### Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

(Kèm theo thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quyết định liên quan và Quyết định số 712/QĐ-HIU ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ)

| TT | Ngôn ngữ           | Chứng chỉ / Văn bằng                                                                           | Tuyển sinh và tốt nghiệp trình độ Thạc sĩ                                   |                                                                |
|----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
|    |                    |                                                                                                | Tuyển sinh<br>(tương đương bậc 3)                                           | Tốt nghiệp<br>(tương đương bậc 4)                              |
| 1  | Tiếng Anh          | TOEFL iBT                                                                                      | 30-45                                                                       | 46-93                                                          |
|    |                    | TOEFL ITP                                                                                      | 450-499                                                                     | 500-677                                                        |
|    |                    | IELTS                                                                                          | 4.0 - 5.0                                                                   | 5.5 -6.5                                                       |
|    |                    | Cambridge Assessment English                                                                   | B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill.<br>Thang điểm: 140-159 | B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179 |
|    |                    | TOEIC (4 kỹ năng)                                                                              | Nghe: 275-399<br>Đọc: 275-384<br>Nói: 120-159<br>Viết: 120-149              | Nghe: 400-489<br>Đọc: 385-454<br>Nói: 160-179<br>Viết: 150-179 |
|    |                    | Aptis ESOL International Certificate                                                           | B1                                                                          | B2                                                             |
| 2  | Tiếng Pháp         | CIEP/Alliance francaise diplomas                                                               | TCF: 300-399<br>Văn bằng DELF B1<br>Diplôme de Langue                       | TCF: 400-499<br>Văn bằng DELF B2<br>Diplôme de Langue          |
| 3  | Tiếng Đức          | Goethe - Institut                                                                              | Goethe-Zertifikat B1                                                        | Goethe-Zertifikat B2                                           |
|    |                    | The German TestDaF language certificate                                                        | TestDaF Bậc 3<br>(TDN 3)                                                    | TestDaF Bậc 4<br>(TDN 4)                                       |
| 4  | Tiếng Trung Quốc   | Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)                                                                    | HSK Bậc 3                                                                   | HSK Bậc 4                                                      |
| 5  | Tiếng Nhật         | Japanese Language Proficiency Test (JLPT)                                                      | N4                                                                          | N3                                                             |
| 6  | Tiếng Nga          | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language) | ТРКИ-1                                                                      | ТРКИ-2                                                         |
| 7  | Các ngoại ngữ khác |                                                                                                | Bậc 3                                                                       | Bậc 4                                                          |

#### Lưu ý:

-Ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.  
 -Các chứng chỉ ngoại ngữ phải được cấp bởi các tổ chức đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài và đã được công bố trên website của Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo: <https://vqa.moet.gov.vn>